

QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-KTHT&ĐT ngày /4/2026 của phòng KTHT&ĐT phường Đức Xuân)

Đơn vị tính: Nghìn đồng./.

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2025		Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2025		Dự toán			Quyết toán			So sánh (%)			
		Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư được duyệt		Tổng số	Chia theo nguồn vốn	Tổng số	Chia theo nguồn vốn	Tổng số	Chia theo nguồn vốn		Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn Ngân sách phường		Ngân sách phường		Ngân sách tỉnh		Ngân sách phường	Ngân sách trung ương		Ngân sách tỉnh	Ngân sách phường	Ngân sách phường		
A	B	I	2	3	4	5	6	7	8	8	9	10	7	8	11	12	13
	TỔNG SỐ		41.372.700	32.515.700	73.600.241	70.169.760	72.131.587	69.412.587	15.925.200	2.719.000	13.206.200	19.110.564	54.000	2.725.516	16.331.048	120%	124%
A	VỐN NSNN THUỘC KẾ HOẠCH NĂM 2025		37.842.000	29.723.000	18.087.425	15.368.873	16.961.700	14.242.700	15.925.200	2.719.000	13.206.200	15.861.513	-	2.718.552	13.142.961	100%	100%
I	Nguồn vốn xây dựng cơ bản tập trung		22.657.000	14.538.000	11.318.839	8.600.288	10.922.000	8.203.000	10.922.000	2.719.000	8.203.000	10.889.427	-	2.718.552	8.170.876	100%	100%
	Vốn Thực hiện dự án		22.657.000	14.538.000	11.318.839	8.600.288	10.922.000	8.203.000	10.922.000	2.719.000	8.203.000	10.889.427	-	2.718.552	8.170.876	100%	100%
1	Sửa chữa, nâng cấp trường THCS Huyện Tung, thành phố Bắc Kạn	88/NQ-HĐND 8/12/2023; 2255/QĐ-UBND ngày 01/12/2023; 198/QĐ-UBND ngày 03/6/2025	14.822.000	6.703.000	8.629.427	5.910.876	8.662.000	5.943.000	8.662.000	2.719.000	5.943.000	8.629.427		2.718.552	5.910.876	100%	99%
2	Trường Mầm non Nguyễn Thị Minh Khai, thành phố Bắc Kạn (giai đoạn 3)	3504/QĐ-UBND ngày 26/12/2023	5.115.000	5.115.000	-	-	1.500.000	1.500.000	1.500.000		1.500.000	1.500.000			1.500.000	100%	100%
3	Cải tạo, sửa chữa trường Mầm non Đức Xuân	736/QĐ-UBND ngày 14/10/2025; 1064A/QĐ-UBND ngày 15/11/2025	2.720.000	2.720.000	2.689.412	2.689.412	760.000	760.000	760.000		760.000	760.000			760.000	100%	100%
II	Nguồn thu tiền sử dụng đất		15.185.000	15.185.000	4.984.885	4.984.885	4.256.000	4.256.000	4.256.000	-	4.256.000	4.224.885	-	-	4.224.885	99%	99%
	Vốn Thực hiện dự án		15.185.000	15.185.000	4.984.885	4.984.885	4.256.000	4.256.000	4.256.000	-	4.256.000	4.224.885	-	-	4.224.885	99%	99%
2.1	Cải tạo, sửa chữa trường Mầm non Đức Xuân	736/QĐ-UBND ngày 14/10/2025; 1064A/QĐ-UBND ngày 15/11/2025	2.720.000	2.720.000	2.689.412	2.689.412	1.960.000	1.960.000	1.960.000		1.960.000	1.929.412			1.929.412	98%	98%
2.2	Trường Mầm non Nguyễn Thị Minh Khai, thành phố Bắc Kạn (giai đoạn 3)	3504/QĐ-UBND ngày 26/12/2023	5.115.000	5.115.000	1.640.656	1.640.656	1.641.000	1.641.000	1.641.000		1.641.000	1.640.656			1.640.656	100%	100%
2.3	Nâng cấp đường QL3 cũ đoạn qua tổ 1,2,3 phường Nguyễn Thị Minh Khai, thành phố Bắc Kạn	228/NQ- HĐND ngày 25/8/2021; 2341/QĐ-UBND ngày 31/10/2022; 2258/QĐ-UBND ngày 12/8/2024; 675/QĐ-UBND ngày 14/4/2025	7.350.000	7.350.000	654.817	654.817	655.000	655.000	655.000		655.000	654.817			654.817	100%	100%
III	Nguồn tiết kiệm chi		-	-	688.500	688.500	688.500	688.500	240.000	-	240.000	240.000	-	-	240.000	100%	100%
	Vốn Thực hiện dự án		-	-	688.500	688.500	688.500	688.500	240.000	-	240.000	240.000	-	-	240.000	100%	100%
3.1	Quy hoạch phân khu N3 - khu vực đô thị trung tâm phường Huyện Tung, thành phố Bắc Kạn, tỷ lệ 1/2000		-	-	688.500	688.500	688.500	688.500	240.000		240.000	240.000			240.000	100%	100%
IV	Nguồn tài trợ		-	-	1.095.200	1.095.200	1.095.200	1.095.200	507.200	-	507.200	507.200	-	-	507.200	100%	100%
	Vốn Thực hiện dự án		-	-	1.095.200	1.095.200	1.095.200	1.095.200	507.200	-	507.200	507.200	-	-	507.200	100%	100%
4.1	Quy hoạch phân khu N7 - khu vực đô thị trung tâm phía Đông, thành phố Bắc Kạn, tỷ lệ 1/2000		-	-	1.095.200	1.095.200	1.095.200	1.095.200	507.200		507.200	507.200			507.200	100%	100%

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2025		Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2025		Dự toán			Quyết toán			So sánh (%)		
		Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư được duyệt		Tổng số	Chia theo nguồn vốn	Tổng số	Chia theo nguồn vốn	Tổng số	Chia theo nguồn vốn		Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn		Ngân sách phường		Ngân sách phường		Ngân sách tỉnh	Ngân sách phường		Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách phường		Ngân sách phường
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	8	9	10	7	8	11	12	13
B	CÁC DỰ ÁN KHÔNG GHI KHV NĂM 2025 CÒN DƯ VỐN TẠM ỨNG CHƯA THU HỒI TỪ CÁC NĂM TRƯỚC CHUYÊN SANG NĂM QUYẾT TOÁN		1.310.700	1.310.700	53.318.887	53.318.887	53.318.887	53.318.887	-	-	-	1.706.087	-	-	1.706.087		
I	Nguồn thu tiền sử dụng đất		-	-	50.912.987	50.912.987	50.912.987	50.912.987	-	-	-	47.387	-	-	47.387		
	Vốn Thực hiện dự án		-	-	50.912.987	50.912.987	50.912.987	50.912.987	-	-	-	47.387	-	-	47.387		
1.1	Hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Huyện Tung, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn		-	-	50.912.987	50.912.987	50.912.987	50.912.987	-	-	-	47.387			47.387		
II	Nguồn tiết kiệm chi		1.310.700	1.310.700	1.310.700	1.310.700	1.310.700	1.310.700	-	-	-	1.070.700	-	-	1.070.700		
	Vốn Thực hiện dự án		1.310.700	1.310.700	1.310.700	1.310.700	1.310.700	1.310.700	-	-	-	1.070.700	-	-	1.070.700		
2.1	Quy hoạch phân khu N2 - khu vực đô thị trung tâm phường Nguyễn Thị Minh Khai, thành phố Bắc Kạn, tỷ lệ 1/2000	2389/QĐ-UBND ngày 22/8/2023	622.200	622.200	622.200	622.200	622.200	622.200	-	-	-	622.200			622.200		
2.2	Quy hoạch phân khu N3 - khu vực đô thị trung tâm phường Huyện Tung, thành phố Bắc Kạn, tỷ lệ 1/2000	2742/QĐ-UBND ngày 04/10/2023	688.500	688.500	688.500	688.500	688.500	688.500	-	-	-	448.500			448.500		
III	Nguồn tài trợ		1.095.200	1.095.200	1.095.200	1.095.200	1.095.200	1.095.200	-	-	-	588.000	-	-	588.000		
	Vốn Thực hiện dự án		1.095.200	1.095.200	1.095.200	1.095.200	1.095.200	1.095.200	-	-	-	588.000	-	-	588.000		
4.1	Quy hoạch phân khu N7 - khu vực đô thị trung tâm phía Đông, thành phố Bắc Kạn, tỷ lệ 1/2000	441/QĐ-UBND ngày 20/2/2024	1.095.200	1.095.200	1.095.200	1.095.200	1.095.200	1.095.200	-	-	-	588.000			588.000		
C	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA		738.000	-	711.930	-	369.000	369.000	-	-	-	60.965	54.000	6.965	-		
I	Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		738.000	-	711.930	-	369.000	369.000	-	-	-	60.965	54.000	6.965	-		
1	Nguồn vốn NSTW		369.000	-	355.965	-	349.000	349.000	-	-	-	54.000	54.000	-	-		
	Đường giao thông nông thôn Tổ Khuổi Pái, phường Huyện Tung		369.000	-	355.965	-	349.000	349.000	-	-	-	54.000	54.000	-	-		
II	Nguồn vốn NSDP		369.000	-	355.965	-	20.000	20.000	-	-	-	6.965	-	6.965	-		
	Đường giao thông nông thôn Tổ Khuổi Pái, phường Huyện Tung		369.000	-	355.965	-	20.000	20.000	-	-	-	6.965	-	6.965	-		
D	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN KHÁC		1.482.000	1.482.000	1.482.000	1.482.000	1.482.000	1.482.000	-	-	-	1.482.000	-	-	1.482.000		
1	Công tác giải phóng mặt bằng Dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư tổ Xây Dựng và tổ Pa Danh phường Huyện Tung TP Bắc Kạn		1.482.000	1.482.000	1.482.000	1.482.000	1.482.000	1.482.000	-	-	-	1.482.000			1.482.000		

